

Bản án số: 80/2025/DS-PT

Ngày: 26 - 02 - 2025

V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Các Thẩm phán:

Bà Châu Minh Hoàng

Bà Đinh Cẩm Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thuý An là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:

Bà Từ Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 577/2024/TLPT-DS ngày 12 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 156/2024/DS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 417/2024/QĐXX-PT ngày 30 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Kim T, sinh năm 1959.

Địa chỉ cư trú: Ấp 15, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1985; Địa chỉ cư trú: Ấp 15, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

Bị đơn: 1/ Ông Huỳnh Công T, sinh năm 1969. (Có mặt)

2/ Bà Lê Hồng Đ, sinh năm 1974. (Có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982.

Địa chỉ cư trú: Ấp 15, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang;

2/ Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1985.

Địa chỉ cư trú: Ấp 15, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang;

3/ Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1991.

Địa chỉ cư trú: Ấp 15, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang;

4/ Anh Nguyễn Văn u, sinh năm 1992.

Địa chỉ cư trú: Ấp 15, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Hồng Đ và ông Huỳnh Công T, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Bà Nguyễn Thị D người đại diện bà T là nguyên đơn trình bày:*

Ông Nguyễn Hồng N (ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1952, chết ngày 10/10/2012) và bà Trần Kim T có 05 người con, gồm: Nguyễn Thị P (chết lúc nhỏ), Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị D, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn U. Trước năm 1975, ông bà có khai phá tạo lập được phần đất với diện tích khoảng 23 công tầm 3m. Phần đất tọa lạc tại ấp Thanh Tùng, xã Biển Bạch, huyện T, tỉnh Cà Mau. Do hoàn cảnh kinh tế còn khó khăn nên từ khi khai phá đất đến nay ông bà chưa làm thủ tục đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất này có tứ cận tiếp giáp như sau:

Mặt tiền tiếp giáp với kênh Hạc, dài 66m.

Mặt hậu giáp kinh Ngang dài 22m.

Cạnh trái nhìn từ mặt tiền vào giáp đất ông Lương Minh Đức, dài 504m.

Cạnh phải giáp đất vợ chồng ông Huỳnh Công T, dài 504m.

Từ khi tạo lập, ông bà canh tác liên tục ổn định và không tranh chấp với ai. Trước đây ranh giới giữa đất ông bà giáp phần đất của ông Nguyễn Văn Thiết, nay là vợ chồng ông T, bà Đ, phần đất có trụ ranh rõ ràng. Đến khi ông Nghi chết, bà T có cho ông Đặng Văn Hiền mượn đất canh tác, bà T về sinh sống tại Ấp 15, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang nên không thường xuyên về trông coi ranh giới đất. Sau đó, bà T tiếp tục cho bà Trần Thị Mỹ Luôn mượn canh tác làm ruộng. Nay bà T giao lại cho chị D (con bà T) canh tác phần đất trên.

Theo bản đồ theo dõi, quản lý đất đai của UBND xã Biển Bạch, huyện T được in ra vào ngày 05/5/2021 thể hiện phần đất của bà T có diện tích 23.431,6m²; phần đất của ông T có diện tích 27.915,4m².

Như vậy, lợi dụng khi bà T không trực tiếp canh tác sử dụng năm 1999 ông T, bà Đ đăng ký và được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N620988 thửa 0383 tờ bản đồ 02 diện tích 30.300m² ngày 27/4/1999 đứng tên hộ gia đình Huỳnh Công T, bà Lê Hồng Đ.

Đến khoảng năm 2016-2018, vợ chồng ông T tự ý cho xáng cuộc đào bờ, dời trụ đá chiếm phần đất với chiều ngang mặt tiền khoảng 03m, chiều ngang mặt hậu khoảng 02m, chiều dài từ mặt tiền đến hậu đất khoảng 504m (diện tích đất bị lấn chiếm khoảng 1.260m²). Đến năm 2021, bà T xem lại hiện trạng đất thì mới phát

hiện việc ông T dời trụ ranh, thay đổi hiện trạng bờ và lấn chiếm phần diện tích đất như trên.

Do phần đất diện tích 30.300m² ngày 27/4/1999 của ông T đứng tên hộ gia đình Huỳnh Công T, bà Lê Hồng Đ nên ngày 23/4/2021, các thành viên trong gia đình lập hợp đồng tặng cho để một mình ông Huỳnh Công T đứng tên phần đất trên. Ông T lập thủ tục đăng ký biến động đất đai, hợp đồng với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T thực hiện việc đo đạc, vợ chồng ông T, bà Đ tự ý chỉ ranh đất và bà Đ giả chữ ký của bà T ký tên người giáp ranh. Kết quả, tại bản trích lục bản đồ địa chính ngày 22/4/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T phần đất của ông T, bà Đ có diện tích 31.895,8m². Như vậy, ông T bà Đ tự xác định thừa diện tích so với giấy chứng nhận được cấp là 1.595,8m².

Sau đó, bà T có ủy quyền cho con là chị Nguyễn Thị D đứng ra yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết để yêu cầu ông T, bà Đ trả đất nhưng ông bà không đồng ý. Để đảm bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà T nên khởi kiện yêu cầu xem xét, giải quyết: Buộc vợ chồng ông Huỳnh Công T, bà Lê Hồng Đ trả lại cho bà T phần đất lấn chiếm với diện tích theo kết quả thẩm định đo đạc thực tế, theo bản vẽ hiện trạng do Công ty TNHH MTV tài nguyên và thương mại Gõ Tân Thành thực hiện ngày 07/5/2024 theo thửa LUK 6/1.344,5m² từ các điểm M2M3M16M15M12M13M17, kể cả đường giao thông giáp kênh Hạc diện tích DGT3/23,4m².

** Bà Lê Hồng Đ và ông Huỳnh Công T là bị đơn trình bày:* Nguồn gốc phần đất ông, bà đang sử dụng là do ông Nguyễn Văn Thiết khai phá, ông Thiết có đào mương và trồng các bụi tre. Đến năm 1987 thì ông Thiết chuyển nhượng đất lại cho cha ông là ông Huỳnh Công Minh, ông Minh đã phá bỏ tràm và các bụi tre, chỉ còn đường mương, các gốc tràm và các gốc tre. Sau đó, ông Minh cho người anh là Huỳnh Tia Sáng phần đất trên sử dụng làm vuông một thời gian. Tiếp đó, ông Sáng mới chuyển nhượng phần đất này cho ông bà vào năm 1996. Khi đó, ông bà đã cho xáo cuộc đào lấp các gốc cây tràm và các gốc tre nên khi thẩm định không còn.

Đến năm 1999, ông bà đăng ký và được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N620988 diện tích 30.300m² thửa 383 tờ bản đồ số 02 đứng tên hộ gia đình ông Huỳnh Công T, bà Lê Hồng Đ vào ngày 27/4/1999.

Ông T, bà Đ xác định vào khoảng năm 2013, ông bà cho xáo cuộc đào bờ vuông lần nữa thì có gặp anh Khôi, anh Út là con của bà T đến gặp ông Tư Hữu để xác định ranh đất của đôi bên. Sau khi ông Hữu xác định ranh đất thì ông T và anh Út, anh Khôi mới cắm ranh bằng trụ đá, hiện vẫn còn 04 trụ đá. Do đó, ông bà không có lấn chiếm đất như yêu cầu của bà T nên ông bà không đồng ý theo yêu cầu của bà T.

Ngoài ra, ông Huỳnh Công Mẫn (là anh ruột) có phần đất giáp ranh với phần đất của ông bà, ông Mẫn sau khi chuyển nhượng cho ông Trần Văn Nam phần đất ruộng, vuông, còn lại bờ ranh giáp với phần đất của ông bà chiều ngang 1,3m chạy

dài từ mặt tiền đến hậu đất. Do đó, ngày 19/01/2018, ông Huỳnh Công Mẫn chuyển nhượng lại cho ông để sử dụng nhưng chưa cập nhật đăng ký quyền sử dụng để nhập thửa với phần đất của ông đã được cấp trước đó diện tích 30.300m² thửa 0383 tờ bản đồ số 02.

Diện tích theo giấy chứng nhận được UBND huyện T cấp ngày 27/4/1999 cho hộ ông Huỳnh Công T diện tích 30.300m² thửa 383 tờ bản đồ số 02 là do trước đây ông, bà khai thiếu diện tích. Phần đất của ông, bà thực tế theo bản vẽ do Công ty TNHH MTV tài nguyên và thương mại Gổ Tân Thành đo đạc thực hiện ngày 07/5/2024. Cụ thể: diện tích đất vợ chồng đang quản lý thửa ONT+LUK 5/30.412,1m² và DGT 1/502,2m² bằng diện tích 30.914,3m². Phần đất tranh chấp theo đo đạc thửa LUK6/1.344,5m² từ các điểm M2M3M16M15M12M13M17, kể cả đường giao thông giáp kênh Hạc diện tích DGT3/23,4m² là của vợ chồng ông.

** Trình bày của chị Thắm, chị D, anh Út, anh Khôi là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Chị Thắm, chị D, chị Út, anh Khôi đều thống nhất theo đơn khởi kiện của bà T. Chị Phụng (là con của bà T, ông Nghi) chết vào năm 2003, không có chồng con, cha là ông Nghi chết năm 2012. Phần đất ông Nghi, bà T tạo lập khoảng 23 công tằm 3m từ năm 1975. Đây là tài sản của cha mẹ có trước khi các anh em ra đời nên quyền định đoạt của cha mẹ. Tất cả đều xác định là tài sản của ông Nghi, bà T các con không có phần trong phần tài sản này. Theo bản vẽ hiện trạng thực tế do Công ty TNHH MTV tài nguyên và thương mại Gổ Tân Thành đo đạc ngày 07/5/2024, phần đất bà T đang quản lý thửa LUK7/20.804,7m² từ các điểm M3M4M5M6M7M8M9M10M11M12M15M16 và phần đường giao thông diện tích 329,2m².

Đối với phần đất theo đo đạc tại thửa LUK 6/1.344,5m² đang tranh chấp là của bà T. Do đó, yêu cầu ông T, bà Đ hoàn trả diện tích phần đất lấn chiếm theo thửa LUK 6/1.344,5m² tính từ các điểm M2M3M16M15M12M13M17, chưa tính đường giao thông giáp kênh Hạc diện tích 23,4m² được quyền sử dụng.

Riêng anh Khôi xác định vào khoảng năm 2013, anh Khôi (là con của bà T) có cùng với ông T có đến gặp ông Tư Hữu để xác định ranh đất của đôi bên. Sau khi ông Hữu xác định ranh đất thì vợ anh Khôi sinh con nên về Bạc Liêu, anh không trực tiếp cắm ranh đất của đôi bên, nên khi cắm ranh bằng trụ đá thì anh không có trực tiếp cắm, ông T là người cắm. Sau đó, ông T cho xáng cuộc đào chiếm bờ ranh và dời trụ đá lấn sang phần đất của bà T như hiện nay.

** Ông Thiết là người làm chứng trình bày tại biên bản ghi lời khai vào ngày 18/9/2024:* Ông Thiết xác định các giấy xác nhận đề ngày 03/6/2024 và 02 giấy xác nhận đề ngày 18/9/2024 đã nộp cho Tòa án là do ông Huỳnh Công T đánh máy sẵn và đưa cho ông ký tên. Sự thật về nguồn gốc phần đất của ông T đang sử dụng và đang tranh chấp với bà T, như sau:

Vào khoảng năm 1979-1980 ông có khai phá phần đất tại ấp Thanh Tùng, xã Biển Bạch, huyện T nhưng không biết cụ thể diện tích đất là bao nhiêu công (tầm 3m) hay diện tích bao nhiêu mét vuông (m^2), chiều ngang phần đất cũng không biết bao nhiêu mét, nhưng chiều dài thì từ Kinh Hạc đến giáp Kinh 500. Phần đất của ông giáp với phần đất của ông Nguyễn Văn Nghi, bà Trần Kim T. Khi đó, ông và ông Nghi mỗi người đào đường kinh để làm đường xuống lòi mạ, mỗi bên đào đắp lên thành cái bờ đất chung và làm lối đi chung, trên bờ ông có trồng mấy bụi tre và ông Nghi cũng có trồng tre (khoảng chừng 10 bụi). Đến năm 1980-1981 thì ông Thiết chuyển nhượng đất lại cho ông ông Huỳnh Công Minh (cha của ông T) để về huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang sinh sống cho đến nay. Khi chuyển nhượng phần đất cho ông Minh với giá khoảng 10 đến 15 gia lúa, không rõ diện tích là bao nhiêu vì không có đo đạc như hiện nay.

Theo ông thì ông không biết ông T đang sử dụng diện tích phần đất bao nhiêu mét vuông và có được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay chưa. Bởi vì, khi chuyển nhượng cho ông Minh thì ông không trở về nơi này cho đến khi ông T mang giấy xác nhận nhờ ông ký tên.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 156/2024/DS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim T đối với ông Huỳnh Công T, bà Lê Hồng Đ. Buộc ông T, bà Đ có nghĩa vụ giao trả cho bà T phần đất diện tích theo đo đạc thực tế tại thửa LUK6/1.344,5 m^2 từ các điểm M2M3M16M15M12M13M17, kể cả đường giao thông giáp kênh Hạc diện tích DGT3/23,4 m^2 căn cứ theo bản vẽ hiện trạng đo đạc do Công ty TNHH MTV tài nguyên và thương mại Gõ Tân Thành thực hiện ngày 07/5/2024.

Hiện trên phần đất ông T, bà Đ giao trả cho bà T có trồng các cây dừa theo biên bản thẩm định, chứng thư thẩm định nên ông T, bà Đ có trách nhiệm di dời.

(Kèm theo bản vẽ của Công ty TNHH MTV tài nguyên và thương mại Gõ Tân Thành thực hiện ngày 07/5/2024)

Việc đăng ký cấp mới, cấp đổi và điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà T và ông T, bà Đ thực hiện theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, phần lãi suất chậm thi hành, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 08/11/2024, bị đơn bà Lê Hồng Đ và ông Huỳnh Công T kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Công T và bà Lê Hồng Đ, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim T về việc buộc ông Huỳnh Công T và bà Lê Hồng Đ trả cho bà Huỳnh Kim Thắng phần đất diện tích 1.344,5m² tại ấp Thanh Tùng, xã Biển Bạch, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa, bà Lê Hồng Đ và ông Huỳnh Công T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, lý do ông Huỳnh Công T cho rằng trong quá trình quản lý sử dụng đất ông đã tiến hành xác định ranh giới đất và cắm trụ đá trên đất với ông Nguyễn Văn Khôi và ông Nguyễn Văn Út là con của bà Trần Kim T từ năm 2012, 2013 đến nay, trên phần đất ông có trồng tre và trồng tràm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Lê Hồng Đ và ông Huỳnh Công T, thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn xác định phần đất của nguyên đơn tính từ mương đến bờ của nguyên đơn, sau đó bị đơn đã cuốc bờ của bị đơn giáp mương của nguyên đơn đắp thành một đường bờ nên đường bờ này của nguyên đơn. Bị đơn cuốc đất từ năm 2016 là lần đầu, lần thứ 2 bị đơn cuốc đất đắp bờ là vào năm 2019. Năm 2019 nguyên đơn phát hiện và có đơn yêu cầu tranh chấp gửi đến chính quyền địa phương.

Nguyên đơn xác định có đơn yêu cầu tranh chấp nhưng nguyên đơn không cung cấp được cho Tòa án. Chứng cứ tại hồ sơ thể hiện năm 2021 ông Huỳnh Công T thực hiện thủ tục cấp đổi quyền sử dụng đất, tiến hành đo đạc nên mới phát sinh tranh chấp với bà T (BL 10, 610). Nguyên đơn trình bày phần đất này có trụ ranh trước khi Nguyên đơn cho thuê đất, năm 2016 ông T lén dời trụ đá chiếm toàn bộ phần bờ đất, sau đó ông T thuê xáng cuốc làm thay đổi hiện trạng bờ đất (BL 17), lời trình bày của nguyên đơn mâu thuẫn với lời trình bày của đại diện hợp pháp của nguyên đơn tại tòa cho rằng bị đơn đắp mương thành bờ nên nguyên đơn vẫn nghĩ đó vẫn là bờ đất của nguyên đơn và thời điểm này cũng không có trụ đá, việc cắm trụ đá là do bị đơn mới thực hiện. Các lời trình bày của nguyên đơn không xác định được đất của nguyên đơn bị lấn chiếm thời gian nào, không có chứng cứ chứng minh việc quản lý sử dụng của nguyên đơn đối với phần đất tranh chấp, không chứng minh được ranh giới của nguyên đơn là từ vị trí nào, không chứng minh được bị đơn đào đất đắp mương thành bờ để lấn chiếm đất và thực tế con mương và bờ trước đó như thế nào cũng không có tài liệu chứng cứ gì thể hiện. Ngoài ra, phía nguyên đơn cũng thừa nhận có sự việc con của nguyên đơn

trước đây có xác định ranh giới đất với bị đơn nhưng nguyên đơn cho rằng chỉ xác định ranh giới chứ không có việc cắm trụ đá trên đất.

Xét lời trình bày của nguyên đơn không phù hợp vì thực tế nếu có xác định ranh giới thì phải định được vị trí ranh giới từ điểm nào cụ thể để làm ranh. Đối với bị đơn thì xác định ranh giới từ trước đến nay không thay đổi, bị đơn có cải tạo đắp đất lên thành bờ lớn hơn, năm 2012, 2013 giữa bị đơn và con của nguyên đơn có thống nhất ranh và cắm trụ đá xác định ranh giới giữa hai bên, lời trình bày của bị đơn là có cơ sở. Hiện nay trên thực địa tồn tại các trụ đá cắm ranh từ tiền tới hậu, nguyên đơn biết được việc tác động của bị đơn nhưng không có ý kiến, không tranh chấp, mặc nhiên thừa nhận mốc ranh giới là trụ đá do bị đơn xác định.

Từ nhận định trên có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Công T và bà Lê Hồng Đ.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Công T và bà Lê Hồng Đ, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như phân tích trên đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Án phí sơ thẩm: Bà Huỳnh Kim Thắng được miễn do là người cao tuổi.

Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Huỳnh Công T và bà Lê Hồng Đ không phải chịu, đã nộp tạm ứng được nhận lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bà Lê Hồng Đ và ông Huỳnh Công T. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 156/2024/DS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

Áp dụng Điều 189, 190 Bộ Luật dân sự; Điều 96, 100, 166, 167 Luật Đất đai.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim T đòi ông Huỳnh Công T, bà Lê Hồng Đ giao trả phần đất diện tích 1.367,9m² tại ấp Thanh Tùng, xã Biển Bạch, huyện T, tỉnh Cà Mau (Kèm theo bản vẽ ngày 07/5/2024 của Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Thương mại Gỗ Tân Thành).

Chi phí đo đạc, thẩm định bà Trần Kim T phải chịu 15.500.000 đồng, đã nộp xong.

Án phí sơ thẩm: Bà Trần Kim T được miễn.

Án phí phúc thẩm: Ông Huỳnh Công T và bà Lê Hồng Đ không phải chịu, đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0016599 ngày 08/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Minh Hoàng

Đinh Cẩm Đào

Hoàng Thị Hải Hà

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Hải Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Cẩm Đào

Đặng Minh Trung

Hoàng Thị Hải Hà

